TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/DS-PT
Ngày 20 - 3 - 2019
V/v tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Túy Giang

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Bà Châu Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2018/TLPT-DS ngày 28 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp đòi tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2018/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐ-PT ngày 23 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1977; cư trú tại: Ấp T, xã A, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Lương Thị Hồng M, sinh năm 1991; cư trú tại: Ấp 1, xã T, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Thị H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Ngọc P, sinh năm 1968; cư trú tại: Ấp B, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Trần Văn T1, sinh năm 1990; cư trú tại: Ấp B, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Trần Ngọc P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Khoảng tháng 2 năm 2017, ông T có thỏa thuận với ông Trần Ngọc P về việc ông P nhận số tiền hơn 700.000.000 đồng của ông T để mua lúa tại địa phương để giao cho ông T; ông P được hưởng huê hồng. Thực tế ông P không thực hiện đầy đủ; ông T nhiều lần yêu cầu ông P trả lại tiền nhưng ông P không trả. Đến ngày 29/5/2017, ông T và ông P có thỏa thuận bằng văn bản có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu với nội dung: "*ông P còn thiếu tiền cọc lúa của ông T là 368.000.000 đồng; ông P thỏa thuận mỗi vụ lúa sẽ trả cho ông T 100.000.000 đồng cho đến khi đủ số tiền; nếu đến vụ lúa ông P không có khả năng trả thì ông P giao đất cho ông T canh tác từ vụ 01 đến vụ 03 năm 2017*". Tuy nhiên, ông P không thực hiện như thỏa thuận nêu trên, ông T nhiều lần yêu cầu ông P trả tiền nhưng ông P cố tình trì hoãn việc trả tiền. Nay, ông T yêu cầu ông P trả số tiền 416.760.000 đồng (nợ gốc 368.000.000 đồng, lãi tính đến ngày xét xử 20/11/2018 là 48.760.000 đồng) và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 20/11/2018 cho đến khi ông P trả hết nợ. Ngoài ra, ông T không còn yêu cầu nào khác.

Theo bị đơn ông Trần Ngọc P và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thống nhất trình bày: Ông P không thống nhất với ý kiến trình bày của người đại diện theo ủy quyền của ông T; ông không có thực hiện giao dịch gì với ông T mà chỉ làm cò lúa, cụ thể như sau: Vào khoảng tháng 2 năm 2017, vợ chồng ông T và ông Nguyễn Cà T2 có trực tiếp xem, tìm hiểu, khảo sát cánh đồng lúa non thuộc sự quản lý của bà Nguyễn Trúc Q tại tỉnh Bạc Liêu, do mua của nhiều người dân nên ông T liên hệ với bà Q mua lúa non; mọi giao dịch với bà Q là do ông T và ông T2 thực hiện, ông chỉ chuyển tiền cho bà Q dùm ông T và ông T2 trong ngày theo yêu cầu của ông T và ông T2. Sở dĩ, ông ký tên vào đơn thỏa thuận ngày 29/5/2017 tại Ủy ban nhân dân xã V là do bà Q có hứa trả cho ông số tiền 429.000.000 đồng, trong đó có tiền của gia đình ông, tiền đặt cọc của ông T2 còn lại 368.000.000 đồng (chưa trừ tiền cò lúa của 3.300 tấn lúa mà ông T nhận từ bà Q và tiền bỏ cọc lúa cho người dân mà ông T không lấy lúa 211.500.000 đồng). Mặt khác, ông ký vào đơn thỏa thuận là nhận đủ tiền từ bà Q thì ông mới tính lại phần tiền, lúc đó ông T sẽ trừ tiền huê hồng, tiền công sức của ông, tiền không lấy lúa của người dân trên 705 công. Nay, ông P không đồng ý trả cho ông T số tiền 416.760.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật vì số tiền trên là tiền cọc của ông T2 với bà Q, không liên quan gì đến ông. Ngoài ra, ông P không còn ý kiến gì khác.

Người làm chứng anh Nguyễn Cà T2 trình bày: Anh T2 là người làm thuê cho ông T, cách đây khoảng 02 năm thì ông T có kêu xuống Bạc Liêu gặp ông P

để nhận lúa. Lúc này, anh T2 không biết ông P là ai, chỉ liên lạc với nhau qua số điện thoại. Khi gặp ông P thì anh có nói chuyện ông T kêu xuống lấy lúa. Anh khẳng định anh không có đưa tiền cho ông P, chỉ xuống gặp ông P để lấy lúa để báo lại số lượng cho ông T, anh chỉ hưởng huê hồng từ ông T về việc lấy lúa. Còn giao dịch tiền thì ông T là người trực tiếp đưa cho ông P, còn đưa bao nhiêu thì anh không biết. Anh khẳng định không biết bà Nguyễn Trúc Q là ai, anh với ông T không có giao dịch gì với bà Q. Anh khẳng định "đơn thỏa thuận" lập ngày 29/5/2017 tại Ủy ban nhân dân xã V có nội dung "*ông P nợ ông T số tiền 368.000.000 đồng...*", đây là chữ ông P tự ký trước mặt anh tại Ủy ban nhân dân xã V, ông P tự nguyện ký chứ không ai ép buộc.

Từ nội dung trên tại Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2018/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với ông Trần Ngọc P.

2. Buộc ông Trần Ngọc P có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn T số tiền 416.760.000 đồng (nợ gốc 368.000.000 đồng; nợ lãi 48.760.000 đồng tính đến ngày 20/11/2018).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất, Luật thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, bị đơn ông Trần Ngọc P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ông P không đồng ý trả cho ông T số tiền 368.000.000 đồng và tiền chậm trả thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất cơ bản do Nhà nước quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Thư ký từ khi thụ lý tới thời điểm này thấy rằng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Trần Ngọc P, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2018/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

[1] Xét kháng của ông Trần Ngọc P không đồng ý trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 368.000.000 đồng và tiền chậm trả thực hiện nghĩa vụ, ông P cho rằng ông không thiếu tiền ông T.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy, ông T xác định ông P còn thiếu tiền cọc lúa 368.000.000 đồng và hai bên có làm "Đơn thỏa thuận" ngày 29/5/2017 (bút lục số 07), có chữ ký của ông P. Ông P thừa nhận chữ ký trong tờ thỏa thuận là của ông. Bản tự khai ngày 12/7/2018 (bút lục số 28), ông P xác định là thiếu nợ ông T số tiền 368.000.000 đồng, đồng thời ông P trình bày bản tự khai là do ông tự viết và ký tên. Nay, ông P cho rằng không có thiếu tiền gì của ông T, mà chỉ chuyển tiền dùm ông Nguyễn Cà T2 và ông Nguyễn Văn T cho bà Nguyễn Trúc Q là không có cơ sở chấp nhận; đồng thời ông Nguyễn Cà T2 cũng xác định chỉ ông là người làm công và đi nhận lúa cho ông T. Ông T và ông T2 ông không có giao dịch gì với bà Q, không biết bà Q là ai. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của ông P cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông P không có nợ tiền của ông T mà có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T theo "đơn thỏa thuận" ngày 29/5/2017 do ông T cung cấp.

[3] Mặt khác, tại bản tự khai ngày 12/7/2018, ông P cho rằng do bà Q thiếu tiền cọc lúa của ông và đã giựt nợ bỏ đi nơi khác và khi nào bà Q trả tiền cho ông thì ông sẽ trả tiền cho ông T. Do đó, trường hợp ông P có căn cứ cho rằng bà Q là người thiếu nợ mình thì ông P có quyền khởi kiện bà Q bằng một vụ án khác. Còn đối với vụ án này không có cơ sở đưa bà Q tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của nguyên đơn rút một phần yêu cầu tính lãi, bị đơn không đồng ý trả vốn và lãi theo yêu cầu của nguyên đơn đồng thời cũng không có ý kiến gì về việc rút một phần yêu cầu tính lãi, xét thấy: Theo đơn thỏa thuận ngày 29/5/2017 và người đại diện của nguyên đơn xác định thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ của ông P kết thúc là vụ 3 năm 2017; ông P và bà M thống nhất ngày kết thúc vụ 3 là ngày 15/4/2018 nên tiền lãi ông P phải chịu tính từ ngày 16/4/2018. Tính đến ngày 20/3/2019 tiền lãi phát sinh là 11 tháng 04 ngày, lãi suất 0,75%/tháng nên tiền lãi ông P phải trả cho ông T là 30.728.000 đồng; tổng cộng vốn và lãi là 398.728.000 đồng.

[5] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Trần Ngọc P, có căn cứ chấp nhận đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2018/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[6] Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm về vốn và lãi ông P phải trả nên án phí dân sự sơ thẩm ông P phải chịu là 19.936.400 đồng.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm ông Trần Ngọc P không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 280, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26, Điều 30 Luật Thi hành án dân sự 2008; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Ngọc P, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2018/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với ông Trần Ngọc P.

2. Buộc ông Trần Ngọc P có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn T số tiền 398.728.000 đồng (nợ gốc 368.000.000 đồng; nợ lãi 30.728.000 đồng tính đến ngày 20/3/2019).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm ông Trần Ngọc P phải chịu 19.936.400 đồng. Ông Nguyễn Văn T (do Lương Thị Hồng M nộp thay) đã nộp tạm ứng án phí 9.821.000 đồng theo biên lai thu số 0004067 ngày 11 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H được hoàn lại đủ.

3.2 Án phí dân sự phúc thẩm ông Trần Ngọc P không phải chịu. Ông Trần Ngọc P (do Trần Văn T1 nộp thay) đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0014513 ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H được hoàn lại đủ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm công khai có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND huyện H (01 bản);
- CCTHADS huyện H (01 bản);
- Các đương sự (03 bản);
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký tên và đóng dấu

Cao Thị Túy Giang